

CHỈ DẤU LỊCH SỬ QUA TRUYỀN THUYẾT VÀ CA DAO TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN TỈNH QUẢNG NINH

Đặng Văn Anh^{1,*}, Lê Thị Ngân¹

¹Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

*Email: dangvananh912@gmail.com

TÓM TẮT

Bài báo tập trung nhận diện và phân tích các chỉ dấu lịch sử trong truyền thuyết và ca dao dân gian của tỉnh Quảng Ninh. Bằng phương pháp nghiên cứu liên ngành văn học - lịch sử và điền dã thực tế, tác giả làm rõ cách thức nhân dân tái hiện các nhân vật, sự kiện lịch sử và gửi gắm quan điểm chính trị cũng như đạo đức của cộng đồng. Kết quả nghiên cứu khẳng định văn học dân gian không chỉ là nguồn tư liệu bổ trợ quan trọng cho chính sử mà còn là phương tiện bảo tồn ký ức văn hóa, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục địa phương và phát triển du lịch bền vững.

Từ khóa: Chỉ dấu lịch sử; Văn học dân gian Quảng Ninh; Truyền thuyết; Ca dao vùng mỏ; Kỷ luật và đồng tâm.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học dân gian là một bộ phận quan trọng trong kho tàng văn hóa dân tộc Việt Nam. Không chỉ phản ánh đời sống tinh thần của nhân dân lao động, văn học dân gian còn lưu giữ nhiều dấu ấn lịch sử, văn hóa và xã hội của từng vùng miền qua các thời kỳ phát triển. Trong tiến trình hình thành của dân tộc, nhân dân không chỉ ghi chép lịch sử bằng chính sử mà còn lưu giữ bằng trí nhớ cộng đồng, qua truyền thuyết, ca dao và các hình thức sinh hoạt văn hóa truyền miệng khác. Chính vì vậy, văn học dân gian được xem như một bảo tàng sống của lịch sử địa phương và dân tộc.

Quảng Ninh là vùng đất địa đầu Đông Bắc của Tổ quốc, có vị trí đặc biệt về lịch sử, kinh tế, văn hóa và quốc phòng. Đây là nơi hội tụ của nhiều lớp cư dân khác nhau: cư dân miền biển, cư dân miền núi, cư dân vùng than và cư dân biên giới. Điều kiện tự nhiên cùng bề dày lịch sử đã tạo nên một không gian văn hóa dân gian phong phú và giàu bản sắc. Trong kho tàng ấy, các thể loại truyền thuyết, ca dao, dân ca, lễ hội dân gian... đều chứa đựng nhiều chỉ dấu lịch sử có giá trị độc đáo.

Trong những năm qua, văn học dân gian Quảng Ninh nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Có thể kể đến các công trình sưu tầm, biên soạn mang tính địa chí như

Địa chí Quảng Ninh [1], hay hướng nghiên cứu chuyên sâu về tục thờ thần của Phạm Văn Học [2], *truyện kể dân gian vùng biển của Đoàn Thị Hà Chung* [3], và *văn hóa dân gian vùng biển* của Nguyễn Quang Vinh [4], [5]. Bên cạnh đó, các công trình: *Ca dao, dân ca vùng mỏ Quảng Ninh dưới góc nhìn văn hoá của Bùi Thị Vân* (2023) [7], *truyền thuyết Quảng Ninh - Nghiên cứu từ góc độ văn hóa tâm linh* Lê Kim Thoa (2021) [8], hay *giáo trình văn học Quảng Ninh* của Hoàng Thị Thu Giang, Phạm Văn Học (2020) [9] góp phần khẳng định vị trí của văn học dân gian trong tổng thể không gian văn hóa Quảng Ninh, đồng thời cho thấy yêu cầu cấp thiết của việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh hiện đại hóa và phát triển du lịch.

Bên cạnh đó, một số luận văn nghiên cứu về Văn học dân gian Quảng Ninh có thể kể đến: luận văn *Truyền thuyết Quảng Ninh - nghiên cứu từ góc độ văn hóa tâm linh* của Lê Kim Thoa (2021) [8] chia truyền thuyết của Quảng Ninh theo các nhóm như thờ thần Núi, thần Nước, thờ anh hùng và nữ thần, nhờ đó làm nổi bật mối liên hệ giữa truyền thuyết và tín ngưỡng dân gian. Công trình giúp hệ thống lại tư liệu và cho thấy vai trò của truyền thuyết trong đời sống tâm linh của người dân địa phương. Hay, luận văn *Văn học dân gian các*

tiểu vùng văn hóa Quảng Ninh dưới góc nhìn sinh thái – nhân văn của Lê Huyền Trang (2021) [11] tiếp cận văn học dân gian từ mối quan hệ giữa môi trường sinh thái và đời sống con người ở các tiểu vùng văn hóa khác nhau như vùng biển, vùng mỏ, trung du và miền núi. Nghiên cứu đã góp phần làm sáng tỏ sự chi phối của điều kiện tự nhiên đối với quá trình hình thành và phát triển văn học dân gian địa phương. Luận văn **Truyện kể dân gian vùng biển Quảng Ninh** của Đoàn Thị Hà Chung (2017) [3] tập trung khảo sát các truyện kể dân gian lưu truyền ở khu vực ven biển và hải đảo, làm rõ những đặc điểm về nội dung, nghệ thuật và mối liên hệ với các lễ hội dân gian địa phương. Công trình đã cung cấp nguồn tư liệu có giá trị về văn hóa dân gian vùng biển Quảng Ninh. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu chỉ giới hạn ở khu vực ven biển, chưa phản ánh đầy đủ diện mạo truyện kể dân gian trên toàn tỉnh và chưa đặt đối tượng nghiên cứu trong sự so sánh với các vùng văn hóa khác. Đáng chú ý, luận văn **Truyện kể dân gian của người Dao Quảng Ninh** của Nguyễn Thị Diệu Linh (2017) [12] đã góp phần bổ sung nguồn tư liệu về văn học dân gian của một cộng đồng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, qua đó làm phong phú thêm bức tranh văn hóa dân gian Quảng Ninh. Tuy nhiên, công trình chỉ tập trung vào truyện kể của người Dao nên phạm vi phản ánh còn hẹp, chưa bao quát được sự đa dạng của hệ thống truyện kể dân gian các dân tộc trong toàn tỉnh. Đoàn Thị Ngọc Anh đã công bố bài viết **Truyện thuyết Phạm Nhan ở thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh** (2020) [13], trong đó khảo sát 10 truyền thuyết về Phạm Nhan, một nhân vật phản diện trong kho tàng văn học dân gian. Trên cơ sở phân tích tư liệu, tác giả đưa ra những nhận định và kết luận về đặc điểm của hệ thống truyền thuyết này tại thị xã Quảng Yên. Các truyền thuyết về Phạm Nhan hiện còn lưu truyền chủ yếu tồn tại dưới dạng những mẩu kể ngắn. Tuy nhiên, nhóm truyện kể về Phạm Nhan sau khi chết chiếm số lượng nhiều nhất, với 7/10 truyền thuyết. Bên cạnh việc khái quát những chi tiết và sự kiện liên quan đến lịch sử chống giặc ngoại xâm thời nhà Trần, tác giả còn chỉ ra rằng các truyền thuyết về Phạm

Nhan chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, kì ảo, mang đậm màu sắc tâm linh dân gian. Những yếu tố này không chỉ tạo nên không khí linh thiêng đặc trưng của thể loại truyền thuyết mà còn góp phần phản ánh mối quan hệ mật thiết giữa truyền thuyết và đời sống văn hóa tâm linh của cư dân địa phương. Các câu chuyện về Phạm Nhan sau khi chết, sự hóa thân thành ác thần và nỗi ám ảnh của người dân trước sức mạnh huyền bí của nhân vật đã thể hiện một đời sống văn hóa dân gian phong phú và phức tạp.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện tại chủ yếu tiếp cận dưới góc độ văn hóa học, dân tộc học hoặc văn học thuần túy. Hướng tiếp cận liên ngành Văn học - Lịch sử nhằm giải mã hệ thống các chỉ dấu lịch sử, để làm rõ cách nhân dân nhìn nhận lịch sử tại vùng đất biên cương này vẫn chưa được thực hiện một cách đồng bộ và hệ thống. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới tiếp cận ở từng khía cạnh riêng lẻ, theo các hướng nghiên cứu chủ đạo như văn hóa tâm linh, phê bình sinh thái, nghệ thuật dân gian hay phạm vi từng địa phương cụ thể; chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống các chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian Quảng Ninh trên bình diện toàn tỉnh.

Trong nghiên cứu theo hướng liên ngành, chỉ dấu lịch sử được hiểu là những yếu tố phản ánh hoặc lưu giữ dấu vết của các sự kiện, nhân vật, địa danh và quá trình lịch sử có thật trong quá khứ. Khác với chính sử được ghi chép bằng văn bản chính thống, các chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian tồn tại dưới hình thức truyền miệng, được cộng đồng lưu truyền và tái tạo qua nhiều thế hệ. Vì vậy, chúng không chỉ phản ánh những sự kiện lịch sử khách quan mà còn thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá và thái độ của nhân dân với lịch sử và các nhân vật lịch sử.

Việc nhận diện chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian dựa trên một số tiêu chí cơ bản như: các yếu tố dân gian phải có sự tương thích nhất định với các nguồn tư liệu lịch sử, khảo cổ hoặc văn hóa khác. Ngoài ra, các chỉ dấu này thường gắn với những không gian văn hóa - lịch sử cụ thể như địa danh, di tích, lễ hội hoặc tín ngưỡng địa phương. Cuối cùng, chúng phải có sức sống bền vững trong ký ức cộng đồng, được lưu

truyền qua nhiều dị bản và nhiều thể hệ cư dân. Trên cơ sở các tiêu chí đó, việc khảo sát truyền thuyết và ca dao Quảng Ninh cho phép nhận diện những dấu ấn lịch sử được lưu giữ trong đời sống văn hóa dân gian của địa phương.

Các nghiên cứu trước đây về văn học dân gian Quảng Ninh chủ yếu tập trung vào phương diện văn hóa, tín ngưỡng, thi pháp hoặc đặc trưng vùng miền. Song, việc khảo sát hệ thống chỉ dấu lịch sử trong mối quan hệ đối chiếu với chính sử vẫn chưa được quan tâm.

Do đó, bài báo này tập trung nhận diện, phân tích các chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian tỉnh Quảng Ninh thông qua hai thể loại tiêu biểu là truyền thuyết và ca dao. Việc làm rõ hướng nghiên cứu này không chỉ bổ sung góc nhìn dân gian cho chính sử, mà còn có giá trị thực tiễn trong việc bảo tồn ký ức văn hóa, phục vụ giáo dục địa phương hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp liên ngành

Phương pháp này được sử dụng nhằm xem xét văn học dân gian Quảng Ninh trong mối quan hệ hữu cơ với bối cảnh lịch sử, xã hội và đời sống văn hóa đặc thù của cư dân địa phương. Tác giả vận dụng kiến thức của các ngành khoa học như lịch sử, địa lý, dân tộc học và nhân học để lý giải ý nghĩa, bản chất của các chỉ dấu lịch sử được phản ánh trong truyền thuyết và ca dao. Điều này giúp làm bật lên hào khí dân tộc và những số phận đời thường trong dòng chảy lịch sử vùng Đông Bắc.

Để triển khai hướng nghiên cứu này, bài báo xem chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian là những yếu tố như nhân vật, địa danh, sự kiện, ký ức cộng đồng hay các biểu tượng văn hóa có liên quan đến những con người và sự việc trong lịch sử. Khác với sử học, các chỉ dấu này thường được kỳ ảo hóa thông qua hình tượng nghệ thuật, địa danh, phong tục và lối sống. Dù mang đậm yếu tố hư cấu, văn học dân gian vẫn có giá trị lưu giữ lịch sử đặc biệt, giúp tái hiện quá khứ qua cảm xúc, niềm tin của nhân dân và góp phần làm sáng rõ bối cảnh xã hội cùng cách con người ghi nhớ lịch sử.

2.2. Phương pháp phân tích, tổng hợp

Đề tài vận dụng các khái niệm của thi pháp học (cốt truyện, nhân vật, hình tượng, không gian và thời gian nghệ thuật) để phân tích các tác phẩm cụ thể. Qua đó, tác giả tổng hợp để làm rõ cách thức văn học dân gian phản ánh các chỉ dấu lịch sử thông qua hình thức nghệ thuật đặc thù, đồng thời khẳng định vai trò của văn học dân gian trong việc bảo tồn ký ức cộng đồng.

2.3. Phương pháp thống kê

Phương pháp này được sử dụng để tập hợp, phân loại các tài liệu nghiên cứu và các tác phẩm văn học dân gian Quảng Ninh đã được công bố có nội dung phản ánh lịch sử. Các kết quả định lượng là căn cứ khoa học để đưa ra các suy luận và nhận định chính xác. Tác giả tiến hành so sánh đối chiếu giữa nội dung trong văn học dân gian với các ghi chép trong chính sử (như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*) để nhận diện sự khác biệt trong quan điểm và cách đánh giá của nhân dân về cùng một nhân vật hay sự kiện lịch sử. Phương pháp này được sử dụng để tập hợp, phân loại các tài liệu nghiên cứu và các tác phẩm văn học dân gian Quảng Ninh đã được công bố có nội dung phản ánh lịch sử. Thống kê định lượng cho thấy đề tài đã tiến hành khảo sát và phân loại 12 tác phẩm truyền thuyết tiêu biểu và 215 bài ca dao liên quan trực tiếp đến các chỉ dấu lịch sử tại địa phương.

2.4. Phương pháp điền dã

Đây là phương pháp then chốt để thu thập dữ liệu sơ cấp. Tác giả đã tiến hành điền dã tại 12 địa bàn khảo sát trọng điểm gắn liền với các chỉ dấu lịch sử được đề cập trong bài, bao gồm: Quảng Yên (Khu di tích Bạch Đằng, Miếu Vua Bà), Hạ Long (Hà Tu, Hà Phong, Hồng Hải), Cẩm Phả (Cửa Ông, Mông Dương), Vân Đồn, Đông Triều, Uông Bí (Vàng Danh), Móng Cái (Vạn Ninh, Ninh Dương), Ba Chẽ, Nam Hoà và Bình Liêu. Quá trình điền dã hướng tới các mục tiêu: Sưu tầm thêm các câu ca dao, truyền thuyết còn lưu truyền trong đời sống nhân dân các tài liệu in ấn chưa cập nhật. Phỏng vấn các thông tin viên (những người am hiểu về văn hóa địa phương) để tìm hiểu cách hiểu của người dân về các chỉ dấu lịch sử. Từ tháng 1 đến

tháng 6 năm 2025, nhóm nghiên cứu đã khảo sát thực địa các di tích, đình, đền, miếu thờ để đối chiếu mối liên quan giữa tác phẩm văn học dân gian với các địa danh lịch sử cụ thể. Quá trình điền dã đã thực hiện 06 cuộc phỏng vấn sâu với 26 đối tượng. Các thông tin viên có độ tuổi từ 47 đến 72 tuổi, phần lớn là người sinh sống lâu năm tại địa phương, nắm giữ nhiều tri thức dân gian liên quan đến các địa danh, di tích và truyền thuyết lịch sử. Đồng thời, tác giả đã tiến hành ghi chép, đối chiếu 12 dị bản truyền thuyết và ghi chép hàng trăm bài ca dao liên quan đến chỉ dẫn lịch sử. Các dữ liệu này được đối chiếu trực tiếp tại các không gian thiêng (đình, đền, miếu thờ) để xác minh mối liên hệ giữa văn bản truyền miệng và chính sử.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Thông qua quá trình khảo sát hệ thống tư liệu văn học dân gian, kết hợp điền dã tại một số địa phương như Hạ Long, Cẩm Phả, Đông Triều, Bình Liêu, Vân Đồn và khu di tích Bạch Đằng, nghiên cứu nhận thấy rằng các chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian Quảng Ninh xuất hiện với tần suất dày đặc và mang tính hệ thống. Những chỉ dấu ấy không tồn tại riêng lẻ mà liên kết chặt chẽ với không gian văn hóa, ký ức cộng đồng và đời sống tinh thần của cư dân vùng Đông Bắc. Các kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian Quảng Ninh tập trung chủ yếu ở ba phương diện lớn: hệ thống nhân vật lịch sử, các sự kiện và dấu tích lịch sử, cùng quan điểm, thái độ của nhân dân đối với lịch sử dân tộc. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra những hình thức nghệ thuật đặc sắc mà dân gian sử dụng để biểu đạt lịch sử.

3.1. Hệ thống chỉ dấu về nhân vật lịch sử

Một trong những biểu hiện nổi bật nhất của chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian Quảng Ninh là hệ thống nhân vật lịch sử. Qua khảo sát, có thể nhận thấy nhân dân không chỉ tái hiện các nhân vật có thật trong lịch sử mà còn tiến hành quá trình thiêng liêng hóa, biến họ trở thành biểu tượng văn hóa và tinh thần của cộng đồng địa phương.

3.1.1. Nhân vật anh hùng dân tộc

Trong hệ thống truyền thuyết Quảng Ninh, các vị anh hùng chống ngoại xâm xuất hiện khá

phổ biến, đặc biệt là những nhân vật gắn với chiến thắng Bạch Đằng và vùng biển Đông Bắc như Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Trần Khánh Dư hay Trần Quốc Tảng. Hình tượng Ngô Quyền thường gắn liền với chiến thắng Bạch Đằng năm 938, chiến thắng mở ra thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài cho dân tộc Việt Nam. Trong truyền thuyết dân gian, Ngô Quyền không chỉ hiện lên như một vị tướng tài thao lược mà còn là người được thiên thời - địa lợi - nhân hòa trợ giúp. Những câu chuyện dân gian về việc lợi dụng thủy triều và bãi cọc trên sông Bạch Đằng cho thấy trí tuệ quân sự của người Việt được nhân dân khắc sâu trong ký ức cộng đồng.

Nhân vật Trần Quốc Tảng được nhân dân huyền thoại hóa thông qua nhiều chi tiết kỳ ảo và linh thiêng. Theo truyền thuyết dân gian, sau khi mất, ông hóa đá bên bờ biển Cửa Suốt để tiếp tục trấn giữ biên cương Đông Bắc. Chi tiết "hóa đá" không chỉ mang màu sắc kỳ ảo mà còn là một chỉ dấu văn hóa - lịch sử quan trọng, thể hiện quan niệm của nhân dân về sự bất tử của người anh hùng dân tộc. Ở đây, con người không hoàn toàn mất đi mà hòa nhập vào thiên nhiên, trở thành một phần của non sông đất nước. Điều đó cho thấy mối quan hệ thiêng liêng giữa con người với chủ quyền lãnh thổ và ý thức bảo vệ cương vực quốc gia trong tâm thức dân gian.

Ngoài ra, hình tượng Trần Khánh Dư trong các truyền thuyết về thương cảng Vân Đồn cũng phản ánh sự kính trọng của nhân dân đối với những vị tướng có công bảo vệ vùng biển Đông Bắc. Dân gian thường nhấn mạnh tài cầm quân, sự mưu trí và lòng trung quân ái quốc của ông.

3.1.2. Nhân vật nhân dân

Bên cạnh các anh hùng dân tộc, nghiên cứu còn phát hiện một lớp nhân vật đặc biệt: những con người vô danh trong nhân dân lao động. Đây là nét đặc sắc của văn học dân gian Quảng Ninh so với nhiều nguồn tư liệu chính sử. Trong truyền thuyết tại Miếu Vua Bà, hình tượng bà hàng nước mách kế cho Trần Hưng Đạo được xem là một chỉ dấu tiêu biểu cho vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử. Dân gian không quan tâm họ là ai, xuất thân thế nào mà

nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Qua những hình tượng này, có thể thấy văn học dân gian Quảng Ninh đã thể hiện rõ quan điểm: lịch sử không chỉ là lịch sử của vua chúa hay tướng lĩnh mà còn là lịch sử của nhân dân. Chính quần chúng mới là lực lượng làm nên sức mạnh dân tộc.

3.1.3. Nhân vật ngoại bang

Trong hệ thống chỉ dấu lịch sử của văn học dân gian Quảng Ninh, nhân vật giặc ngoại bang cũng được xây dựng với nhiều đặc điểm đáng chú ý. Tiêu biểu nhất là hình tượng Phạm Nhan, tên tướng giặc nhà Nguyên xuất hiện trong nhiều truyền thuyết dân gian vùng Đông Bắc. Khác với các anh hùng dân tộc được thiêng liêng hóa, Phạm Nhan lại bị dân gian hạ bệ, thường được mô tả với ngoại hình kỳ dị, sử dụng tà thuật và có nhiều hành động tàn ác. Việc nhân dân xây dựng hình tượng như vậy phản ánh thái độ căm thù sâu sắc đối với kẻ xâm lược. Đặc biệt, nhiều truyền thuyết kể rằng Phạm Nhan chết trong đau đớn, xác bị tiêu diệt hoàn toàn hoặc linh hồn bị trừng phạt vĩnh viễn. Đây là cách dân gian hạ nhục và phủ nhận hoàn toàn quyền lực của kẻ thù ngoại bang. Qua đó có thể thấy rằng văn học dân gian không chỉ phản ánh lịch sử mà còn là vũ khí tinh thần của nhân dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ bản sắc dân tộc.

3.2. Chỉ dấu về sự kiện và dấu tích lịch sử

Nếu hệ thống nhân vật phản ánh con người lịch sử thì các sự kiện và dấu tích lịch sử lại phản ánh kỷ ức cộng đồng về những biến cố lớn của dân tộc.

3.2.1. Chiến thắng Bạch Đằng

Qua khảo sát bước đầu, chiến thắng Bạch Đằng là một trong những sự kiện xuất hiện phổ biến trong hệ thống truyền thuyết và ca dao Quảng Ninh. Những câu ca như:

“Sâu nhất là sông Bạch Đằng

Ba lần giặc đến ba lần giặc tan” [6; tr.195.]

Đã khẳng định niềm tự hào của nhân dân về truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Không chỉ xuất hiện trong lời ca tiếng hát, chiến thắng Bạch Đằng còn được gắn với nhiều dấu tích vật chất như Hang Sơn, Miếu Vua Bà,

bãi cọc cổ hay các địa điểm ven sông. Điều này cho thấy lịch sử trong dân gian không tồn tại như những sự kiện trừu tượng mà gắn chặt với không gian đời sống thường nhật của nhân dân. Đặc biệt, nhiều truyền thuyết nhấn mạnh yếu tố tận dụng thủy triều và địa hình tự nhiên của quân dân nhà Trần. Qua đó, nhân dân đề cao trí tuệ quân sự và khả năng sáng tạo của dân tộc trong công cuộc chống ngoại xâm.

3.2.2. Lịch sử phong trào công nhân vùng mỏ

Nếu các truyền thuyết chủ yếu phản ánh lịch sử trung đại thì ca dao vùng mỏ lại là nơi lưu giữ những chỉ dấu lịch sử hiện đại của Quảng Ninh. Nhiều câu hát dân gian phản ánh chân thực cuộc sống cực khổ của người công nhân dưới ách cai trị của thực dân Pháp:

“Ba toong đi lại dọc ngang/ Lít chân thì vít, nó phang gãy đầu.” [7; tr.60]

Hay:

“Sống làm phu mỏ [10]

Chết bỏ gốc sim”

Những câu ca ấy đã tái hiện chân thực tình cảnh cơ cực của người lao động trong các hầm mỏ Hà Tu, Cẩm Phả, Hòn Gai. Đây là những chỉ dấu lịch sử có giá trị đặc biệt bởi chúng phản ánh trực tiếp quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và sự hình thành giai cấp công nhân Việt Nam. Đồng thời, ca dao vùng mỏ còn cho thấy sự phát triển của ý thức giai cấp và tinh thần đấu tranh tập thể. Chính từ môi trường ấy đã hình thành khẩu hiệu nổi tiếng “Kỷ luật và đồng tâm”, đó là biểu tượng tinh thần của công nhân vùng mỏ Quảng Ninh.

3.3. Quan điểm và thái độ của nhân dân về lịch sử

Văn học dân gian Quảng Ninh là nguồn tư liệu quan trọng hỗ trợ và bổ sung cho chính sử, giúp người đời sau hiểu lịch sử dưới góc nhìn của nhân dân. Dù có yếu tố hư cấu và kỳ ảo, các truyền thuyết vẫn chứa đựng cốt lõi lịch sử liên quan đến các thời Ngô, Trần, Mạc cùng những sự kiện lớn như chiến thắng Bạch Đằng, kháng chiến chống Nguyên - Mông hay các biến động nội bộ vương triều Mạc. Đặc biệt, truyền thuyết về Phạm Tử Nghi cho thấy một

góc nhìn phong phú mang tính bổ sung của văn học dân gian. Khác với cách đánh giá của chính sử nhà Lê vốn chủ yếu nhìn nhận ông từ góc độ trật tự triều đình phong kiến, một số truyền thuyết dân gian tại Quảng Ninh lại có xu hướng nhìn nhận Phạm Tử Nghi như một nhân vật giàu khí phách, ghi nhận những đóng góp thiết thực của ông đối với công cuộc chống ngoại xâm và bảo vệ đời sống bình yên cho cộng đồng địa phương. Thông qua truyền thuyết, nhiều nhân vật như Phạm Tử Nghi được nhìn nhận lại với cái nhìn nhân văn hơn so với chính sử. Điều này thể hiện cái nhìn nhân văn, đa chiều của nhân dân, tôn vinh những người có công lao với dân sinh theo đạo lý truyền thống. Bên cạnh việc tôn vinh các anh hùng dân tộc như Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền hay Phạm Tử Nghi, văn học dân gian còn khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân trong việc làm nên

lịch sử. Các truyền thuyết và ca dao đều cho thấy lịch sử không chỉ thuộc về vua chúa, tướng lĩnh mà còn là kết quả của sức mạnh cộng đồng. Ngoài ra, văn học dân gian Quảng Ninh cũng thể hiện thái độ phê phán mạnh mẽ đối với các thế lực xâm lược và áp bức. Hình tượng Phạm Nhan bị hạ thấp, chế giễu trong truyền thuyết thể hiện tinh thần căm thù giặc ngoại bang; trong khi ca dao vùng mỏ phản ánh chân thực cuộc sống khổ cực của người công nhân dưới ách thực dân Pháp. Tuy nhiên, vượt lên trên nỗi đau là tinh thần đấu tranh, niềm tin vào cách mạng và khát vọng về cuộc sống tự do, tốt đẹp hơn. Qua sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và kỳ ảo, văn học dân gian Quảng Ninh không chỉ lưu giữ ký ức lịch sử mà còn phản ánh tư tưởng, tình cảm và quan niệm lịch sử của nhân dân địa phương.

Bảng 1. Bảng so sánh chính sử và truyền thuyết Quảng Ninh

Tiêu chí so sánh	Chính sử	Truyền thuyết dân gian Quảng Ninh	Ý nghĩa
Tư liệu	Văn bản chính thống, biên niên, do sử gia ghi chép	Truyền miệng, có yếu tố hư cấu, thần kì	Bổ sung góc nhìn ngoài chính thống
Góc nhìn và lập trường	Chịu chi phối bởi hệ tư tưởng phong kiến	Tự do, không lệ thuộc quyền lực	Phản ánh tiếng nói cộng đồng
Đánh giá đối với nhà Mạc	Thường phê phán, coi là ngụy triều	Nhìn nhận linh hoạt, có phần cảm thông	Góp phần giải thích lịch sử
Đánh giá nhân vật (Phạm Tử Nghi)	Xem là loạn thần do chống đối	Ca ngợi khí phách, công lao	Đề cao bản lĩnh
Tiêu chí định giá công, tội	Dựa vào chính thống, trung quân	Dựa vào công lao, vì dân	Thể hiện đạo lý dân gian
Xung đột nội bộ (Phạm Tử Nghi và Nguyễn Kính)	Phân định rõ đúng và sai	Không tuyệt đối hóa, tôn vinh cả hai	Cái nhìn đa chiều
Quan hệ với nhà Minh	Bang giao là chính sách ngoại giao	Nhấn mạnh tinh thần chống đối	Thể hiện ý thức độc lập dân tộc
Cấu trúc phản ánh lịch sử	Phức tạp, đa chiều, nhiều sự kiện	Tổ chức theo mô hình tự sự rõ ràng	Làm nổi bật ý nghĩa cốt lõi
Vai trò yếu tố hư cấu	Hạn chế	Phổ biến	Tăng giá trị thẩm mỹ, văn hóa

3.4. Nghệ thuật thể hiện các chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian tỉnh Quảng Ninh.

Những phương thức nghệ thuật được sử dụng để tái hiện các chỉ dấu lịch sử trong văn

học dân gian. Thông qua hệ thống nhân vật, motif nghệ thuật, yếu tố hư cấu và kết cấu trần thuật, lịch sử được lưu giữ và truyền tải một cách sinh động, giàu sức hấp dẫn.

3.4.1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật lịch sử

Trong truyền thuyết Quảng Ninh, các anh hùng dân tộc thường được xây dựng bằng thủ pháp lí tưởng hóa và thiêng liêng hóa. Nhân vật như Trần Quốc Tảng, Trần Hưng Đạo hay Phạm Tử Nghi không chỉ có tài năng phi thường mà còn được thần thánh hóa qua các chi tiết hóa thân, hiển linh sau khi mất. Tiêu biểu là motif Trần Quốc Tảng hóa vào đá núi để tiếp tục trấn giữ vùng Đông Bắc, thể hiện quan niệm về sự bất tử của người anh hùng. Ngược lại, ca dao vùng mỏ sử dụng bút pháp hiện thực để phản ánh cuộc sống đau khổ của người phu mỏ dưới ách thực dân Pháp. Những câu ca dao như: *“Cọc dũ Mông Dương, nước độc Hà Tu*

Ra đây bụng ông mặt phù chân sâu”[6, tr.151]

hay *“Năm đồng một ngón chân tay*

Cụt cánh, cụt cẳng được ngay mười đồng” [8]

đã tố cáo sự bóc lột tàn nhẫn và thể hiện niềm thương cảm đối với người lao động.

3.4.2. Các motif nghệ thuật đặc thù

Văn học dân gian Quảng Ninh sử dụng nhiều motif nghệ thuật quen thuộc như: motif sinh nở kì lạ, motif điềm báo, motif thử thách, motif sức mạnh phi thường và motif cái chết thần kì (hóa thân). Các motif này góp phần làm nổi bật phẩm chất của nhân vật lịch sử, đồng thời thể hiện niềm tin và thái độ tôn kính của nhân dân đối với những người có công với đất nước.

3.4.3. Sự hư cấu và kết cấu trần thuật

Sự hư cấu trong văn học dân gian không nhằm xuyên tạc lịch sử mà là cách để nhân dân bộc lộ quan điểm và đánh giá lịch sử theo đạo lí dân gian. Bên cạnh đó, ca dao vùng mỏ thường kết hợp giữa kể chuyện và biểu cảm trữ tình, giúp lịch sử trở nên gần gũi, dễ nhớ và giàu cảm xúc cộng đồng. Qua đó, văn học dân gian không chỉ lưu giữ sự kiện lịch sử mà còn lưu giữ tâm tư, tình cảm và ký ức của nhân dân Quảng Ninh.

3.5. Thảo luận: Giá trị học thuật và thực tiễn của các chỉ dấu lịch sử

Kết quả nghiên cứu của bài báo vừa kế thừa

vừa bổ sung cho các công trình trước đây về văn học dân gian Quảng Ninh. Nếu các nghiên cứu của Phạm Văn Học (2021) [2], Đoàn Thị Hà Chung (2017) [3], Nguyễn Quang Vinh (2011 và 2015) [4 ÷ 5], Bùi Thị Vân (2023) [7], Lê Kim Thoa (2021) [8] hay một số luận văn thạc sĩ khác có đề tài về Văn học dân gian Quảng Ninh, chủ yếu tiếp cận từ góc độ văn hóa học, tín ngưỡng, thi pháp thể loại, hay phê bình sinh thái, thì nghiên cứu này tập trung nhận diện hệ thống chỉ dấu lịch sử trong truyền thuyết và ca dao dưới góc nhìn liên ngành Văn học - Lịch sử. Qua đó, bài báo làm rõ vai trò của văn học dân gian như một hình thức lưu giữ ký ức lịch sử cộng đồng, đồng thời cho thấy cách nhân dân đánh giá và diễn giải lịch sử theo quan niệm đạo lý truyền thống.

Kết quả khảo sát cho thấy nhiều nhân vật và sự kiện lịch sử trong văn học dân gian Quảng Ninh không phải chi tiết nào, câu chuyện nào cũng hoàn toàn trùng khớp với cách nhìn của chính sử. Các truyền thuyết về Trần Quốc Tảng, Phạm Tử Nghi hay những câu ca dao vùng mỏ đã bổ sung góc nhìn của cộng đồng địa phương đối với lịch sử dân tộc. Điều này khẳng định văn học dân gian không chỉ phản ánh sự kiện lịch sử mà còn phản ánh ký ức, tình cảm và hệ giá trị văn hóa của nhân dân qua nhiều thế hệ.

Tuy nhiên, việc sử dụng văn học dân gian như một nguồn tư liệu lịch sử cũng có những giới hạn nhất định. Do đặc trưng truyền miệng và sự chi phối của trí tưởng tượng dân gian, nhiều chi tiết lịch sử đã được huyền thoại hóa, lý tưởng hóa hoặc biến đổi qua các dị bản khác nhau. Vì vậy, để đảm bảo tính khoa học, các chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian phải được đối chiếu với tư liệu lịch sử, khảo cổ học và các nguồn tư liệu liên quan khác. Giá trị nổi bật của văn học dân gian không nằm ở tính chính xác tuyệt đối của sự kiện mà ở khả năng phản ánh tâm thức cộng đồng, ý thức lịch sử và bản sắc văn hóa địa phương.

Từ góc độ thực tiễn, việc nghiên cứu các chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian Quảng Ninh góp phần bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, hỗ trợ giáo dục lịch sử địa phương và cung cấp nguồn tư liệu có giá trị cho hoạt động phát triển

du lịch văn hóa gắn với các di tích, lễ hội và không gian ký ức cộng đồng của vùng Đông Bắc.

Thông qua việc đối chiếu tư liệu dân gian với các nguồn chính sử, có thể nhận thấy hệ thống chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian Quảng Ninh mang ba giá trị nổi bật:

Thứ nhất, bổ sung khoảng trống và góp phần bổ sung cho chính sử. Nếu chính sử chủ yếu phản ánh lịch sử từ góc nhìn của triều đình và tầng lớp cầm quyền thì văn học dân gian lại lưu giữ ký ức lịch sử từ góc độ cộng đồng. Qua các truyền thuyết về Trần Quốc Tử, Phạm Tử Nghi và nhiều nhân vật khác, nhân dân đã tái hiện lịch sử bằng tiêu chuẩn đạo lý, công lao và sự gắn bó với đời sống dân sinh. Nhờ đó, nhiều nhân vật từng bị nhìn nhận phiến diện trong chính sử được đánh giá lại dưới ánh sáng của ký ức cộng đồng, thể hiện sâu sắc truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

Thứ hai, góp phần định hình bản sắc văn hóa vùng miền Quảng Ninh. Các chỉ dấu lịch sử phản ánh sự vận động của đời sống xã hội qua từng thời kỳ. Từ những địa danh và sự kiện gắn với công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo như Bạch Đằng, Vân Đồn, Cửa Ông trong truyền thuyết, đến những địa danh và hình tượng thợ mỏ trong ca dao vùng than như Hà Tu, Cẩm Phả, Vàng Danh, lịch sử dân gian đã ghi nhận quá trình chuyển dịch từ “tâm thức biển cả” sang “tâm thức thợ mỏ”. Sự kết hợp giữa tinh thần yêu nước, ý chí bảo vệ quê hương với đức tính cần cù, đoàn kết của người lao động đã tạo nên bản sắc riêng của con người Quảng Ninh, kết tinh trong truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”.

Thứ ba, khẳng định vai trò của yếu tố kỳ ảo như một hình thức biểu đạt lịch sử đặc thù của dân gian. Những mô típ như Đức Ông hóa thánh, Phạm Tử Nghi hiển linh trị thủy hay tiếng sấm Bạch Đằng khiến quân thù khiếp sợ không nhằm thay thế sự thật lịch sử mà là phương thức nghệ thuật để nhân dân thể hiện thái độ đánh giá của mình. Thông qua các yếu tố kỳ ảo, cộng đồng tôn vinh người có công với đất nước, đồng thời lên án và trừng phạt các thế lực xâm lược, áp bức. Đây chính là quyền lên tiếng của nhân dân trong quá trình lưu giữ và diễn giải lịch sử bằng trí tưởng tượng và niềm tin văn hóa.

Từ đó có thể khẳng định rằng, các chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian Quảng Ninh không chỉ có giá trị tư liệu đối với việc nghiên cứu lịch sử địa phương mà còn góp phần phản ánh bản sắc văn hóa, tâm thức cộng đồng và quan niệm lịch sử của nhân dân qua nhiều thời kỳ.

4. KẾT LUẬN

Thông qua việc khảo sát truyền thuyết và ca dao Quảng Ninh, bài báo đã làm rõ hệ thống chỉ dấu lịch sử được lưu giữ trong văn học dân gian qua các nhân vật, sự kiện, địa danh và quan niệm lịch sử của nhân dân. Những tác phẩm này không chỉ phản ánh các giai đoạn lịch sử quan trọng của dân tộc và địa phương mà còn thể hiện thái độ tôn vinh người có công, lên án kẻ xâm lược và ghi nhận đời sống của người lao động. Nghiên cứu đã nhận diện và phân tích hệ thống chỉ dấu lịch sử trong truyền thuyết và ca dao Quảng Ninh thông qua các phương diện: nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử, địa danh văn hóa và quan niệm lịch sử của nhân dân. Kết quả cho thấy, văn học dân gian không chỉ lưu giữ ký ức về các giai đoạn lịch sử quan trọng của dân tộc và địa phương mà còn phản ánh cách cộng đồng đánh giá, tôn vinh và diễn giải lịch sử theo hệ giá trị văn hóa truyền thống.

Bên cạnh giá trị bổ trợ cho nghiên cứu lịch sử địa phương, các chỉ dấu lịch sử trong văn học dân gian còn góp phần làm rõ bản sắc văn hóa vùng than - biển Quảng Ninh và vai trò của ký ức cộng đồng trong việc bảo tồn di sản văn hóa.

Tuy nhiên, do phạm vi khảo sát chủ yếu giới hạn trong không gian văn hóa Quảng Ninh, nghiên cứu chưa có điều kiện thực hiện đối sánh liên vùng để làm nổi bật đầy đủ những đặc trưng riêng của văn học dân gian địa phương. Trong thời gian tới, nhóm nghiên cứu sẽ mở rộng hướng nghiên cứu với văn học dân gian các vùng văn hóa khác trong mối quan hệ so sánh, đối chiếu đồng đại và lịch đại, nhằm nhận diện sâu sắc hơn những nét đặc thù trong tâm thức lịch sử và bản sắc văn hóa của cư dân Quảng Ninh, làm rõ những nét riêng trong tâm thức lịch sử, khai phá và giao thương biển đảo. Qua đó, góp phần làm rõ bản sắc văn hóa than - biển và chất vùng mỏ của Quảng Ninh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tỉnh ủy Quảng Ninh và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, *Địa chí Quảng Ninh*, tập 1–3. Hà Nội: NXB Thế giới, 2002.
- [2]. P. Học, *Tục thờ thần ở Quảng Ninh*, Báo Quảng Ninh điện tử, 07-11-2021. <https://baoquangninh.vn/tuc-tho-son-than-va-thuy-than-o-quang-ninh-xua-3160360.html>.
- [3]. Đ. T. H. Chung, *Truyện kể dân gian vùng biển Quảng Ninh*. Thái Nguyên: Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên, 2017.
- [4]. N. Q. Vinh, *Văn hóa dân gian vùng biển Quảng Ninh*. Hà Nội: NXB Văn hóa, 2011.
- [5]. N. Q. Vinh, *Văn hóa dân gian làng Vạn Ninh*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc, 2015.
- [6]. N. N. Dân, *Lịch sử Việt Nam trong tục ngữ, ca dao*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
- [7]. B. T. Vân, *Ca dao, dân ca vùng mỏ Quảng Ninh dưới góc nhìn văn hóa*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2023.
- [8]. L. K. Thoa, *Truyền thuyết Quảng Ninh – Nghiên cứu từ góc độ văn hóa tâm linh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2021.
- [9]. H. T. T. Giang và P. V. Học, *Giáo trình Văn học Quảng Ninh*. Thái Nguyên: NXB Đại học Thái Nguyên, 2020.
- [10]. L. B. Cương, *Ca dao Vùng mỏ*. Quảng Ninh: NXB Quảng Ninh, 1969.
- [11]. L. H. Trang, *Văn học dân gian các tiểu vùng văn hóa Quảng Ninh dưới góc nhìn sinh thái – nhân văn*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2021.
- [12]. N. T. D. Linh, *Truyện kể dân gian của người Dao Quảng Ninh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2017.
- [13]. Đ. T. N. Anh, *Truyền thuyết Phạm Nhan ở thị xã Quảng Yên – Quảng Ninh*, Tạp chí Khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2, 09-10-2020. <https://nguivan.hnue.edu.vn/Nghien-cuu/Van-hoc-dan-gian/p/truyen-thuyet-pham-nhan-o-thi-xa-quang-yen-quang-ninh-243>.

Thông tin của tác giả:**Đặng Văn Anh**

Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

Điện thoại: +(84)328.688.511 - Email: dangvananh912@gmail.com

TS. Lê Thị Ngân

Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

Điện thoại: 0912.022.777 - Email: lengandhkhtn@gmail.com

HISTORICAL INDICATORS IN THE LEGENDS AND FOLK SONGS OF QUANG NINH PROVINCE

Information about authors:

Dang Van Anh, Thai Nguyen University of Science, email: dangvananh912@gmail.com

TS. Le Thi Ngan, Thai Nguyen University of Science, email: lengandhkhtn@gmail.com

ABSTRACT:

The paper focuses on identifying and analyzing historical indicators in the folk literature of Quang Ninh province, mainly through two genres: legends and folk songs. By using an interdisciplinary approach of literature - history and field surveys, the author clarifies how people reproduce historical figures and events, and express the political and moral views of the community. Research results confirm that folk literature is not only an important complementary source for official history but also a

means of preserving cultural memory, contributing to improving the efficiency of local education and sustainable tourism development.

Keywords: *Historical indicators; Quang Ninh folk literature; Legends; Coal mine folk songs; Discipline and Consensus.*

REFERENCES

- [1]. Quang Ninh Provincial Party Committee and Quang Ninh People's Committee, *Dia chi Quang Ninh*, vols. 1–3. Hanoi, Vietnam: The Gioi Publishing House, 2002.
- [2]. P. Hoc, *Tuc tho than o Quang Ninh*, Bao Quang Ninh Online, Nov. 7, 2021. [Online]. Available: <https://baoquangninh.vn/tuc-tho-son-than-va-thuy-than-o-quang-ninh-xua-3160360.html>.
- [3]. D. T. H. Chung, *Truyen ke dan gian vung bien Quang Ninh*. Thai Nguyen, Vietnam: Thai Nguyen University of Sciences, 2017.
- [4]. N. Q. Vinh, *Van hoa dan gian vung bien Quang Ninh*. Hanoi, Vietnam: Van Hoa Publishing House, 2011.
- [5]. N. Q. Vinh, *Van hoa dan gian lang Van Ninh*. Hanoi, Vietnam: National Culture Publishing House, 2015.
- [6]. N. N. Dan, *Lich su Viet Nam trong tuc ngu, ca dao*. Hanoi, Vietnam: Vietnam National University Press, 2010.
- [7]. B. T. Van, *Ca dao, dan ca vung mo Quang Ninh duoi goc nhin van hoa*, M.S. thesis, Thai Nguyen University of Sciences, Thai Nguyen, Vietnam, 2023.
- [8]. L. K. Thoa, *Truyen thuyet Quang Ninh – Nghien cuu tu goc do van hoa tam linh*, M.S. thesis, Thai Nguyen University of Sciences, Thai Nguyen, Vietnam, 2021.
- [9]. H. T. T. Giang and P. V. Hoc, *Giao trinh Van hoc Quang Ninh*. Thai Nguyen, Vietnam: Thai Nguyen University Press, 2020.
- [10]. L. B. Cuong, *Ca dao Vung mo*. Quang Ninh, Vietnam: Quang Ninh Publishing House, 1969.
- [11]. L. H. Trang, *Van hoc dan gian cac tieu vung van hoa Quang Ninh duoi goc nhin sinh thai – nhan van*, M.S. thesis, Thai Nguyen University of Sciences, Thai Nguyen, Vietnam, 2021.
- [12]. N. T. D. Linh, *Truyen ke dan gian cua nguoi Dao Quang Ninh*, M.S. thesis, Thai Nguyen University of Sciences, Thai Nguyen, Vietnam, 2017.
- [13]. D. T. N. Anh, *Truyen thuyet Pham Nhan o thi xa Quang Yen – Quang Ninh*, Tap chi Khoa hoc Ngu van, Hanoi National University of Education, no. 2, Oct. 9, 2020. [Online]. Available: <https://nguvan.hnue.edu.vn/Nghien-cuu/Van-hoc-dan-gian/p/truyen-thuyet-pham-nhan-o-thi-xa-quang-yen-quang-ninh-243>.

Ngày nhận bài: 08/06/2026;

Ngày nhận bài sửa: 24/06/2026;

Ngày chấp nhận đăng: 24/06/2026.